THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1055/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt Thỏa thuận Paris thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trịnh Đình Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt Thỏa thuận Paris thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. BỐI CẢNH

Biến đổi khí hậu là một trong những mối đe đọa lớn nhất đối với nhân loại với mức độ tác động ngày càng tăng trên phạm vi toàn cầu. Việt Nam là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu. Trong 50 năm qua, nhiệt độ trung bình năm cả nước tăng khoảng 0,62^{o}C; mực nước ven biển trong thời kỳ 1993 - 2014 đã tăng khoảng 3,34 mm/năm; thiên tai gia tăng cả về cường độ và tần suất. Biến đổi khí hậu là nguy cơ hiện hữu đối với mục tiêu phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo của đất nước. Tổn thất và thiệt hại sẽ tiếp tục gia tăng, đòi hỏi cần có các hành động gấp rút để kịp thời giảm nhẹ thiệt hại và tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu.

Nhận thức rõ tính nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam đã phê duyệt Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tại Hội nghị lần thứ 21 các Bên tham gia Công ước khí hậu (COP 21) tại Paris năm 2015 và có hiệu lực năm 2016 (gọi tắt là Thỏa thuận Paris). Đây là văn bản pháp lý toàn cầu quy định ràng buộc trách nhiệm của tất cả các Bên trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, đóng góp tài chính, chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực, chủ yếu thông qua việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC). Theo quy định tại Điều 7 Thỏa thuận Paris, các Bên tham gia Thỏa thuận có trách nhiệm xây dựng và triển khai Kế hoạch quốc gia thích ứng

với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã trình NDC cho Ban Thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu năm 2015, bao gồm hợp phần thích ứng với biến đổi khí hậu và hợp phần giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Thực hiện cam kết, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2016 về việc phê duyệt Thỏa thuận Paris thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; theo đó, một trong những nhiệm vụ cần phải xây dựng và triển khai thực hiện trong năm 2019 là xây dựng Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất với Đóng góp do quốc gia tự quyết định. Đóng góp do quốc gia tự quyết định thể hiện các cam kết về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu của quốc gia ở cấp chiến lược. Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cụ thể hóa hợp phần thích ứng trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định, triển khai các hành động ưu tiên để thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu sẽ giúp sử dụng hiệu quả nguồn lực, tăng cường khả năng quản lý, điều phối về tài chính và kỹ thuật, tránh sự chồng chéo, trùng lặp, thúc đẩy quá trình tham gia của cộng đồng, khối doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế trong việc thực hiện các mục tiêu thích ứng trong Đóng góp do quốc gia tự quyết địnhvà giúp Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Yêu cầu về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai có vị trí quan trọng trong các quyết định phát triển.

b) Nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu phải được lồng ghép trong các chính sách, hệ thống chiến lược, quy hoạch có liên quan.

c) Thích ứng với biến đổi khí hậu phải gắn với phát triển bền vững, tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên và xã hội và tận dụng các cơ hội do biến đổi khí hậu mang lại.

d) Bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động của biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch.

b) Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, trong đó có hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch.

- Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái thông qua việc đầu tư cho các hành động thích ứng, khoa học và công nghệ, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.

- Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định 03 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để giải quyết các mục tiêu nêu trên, bao gồm:

1. Nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch

Thích ứng với biến đổi khí hậu đã được triển khai thực hiện trong khuôn khổ của chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, kế hoạch hành động của các bộ, ngành và địa phương; các chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu; các đề án, dự án của các bộ, ngành, của các vùng, địa phương và các dự án hợp tác quốc tế.

Việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, hoàn thiện các chính sách, hệ thống chiến lược, quy hoạch liên quan đến biến đổi khí hậu và thúc

đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể bao gồm:

a) Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý quốc gia về biến đổi khí hậu. Triển khai các hoạt động, nhiệm vụ phục vụ cho việc xây dựng Luật về biến đổi khí hậu trên cơ sở bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Rà soát, cập nhật và xây dựng mới các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt đối với các ngành, vùng dễ bị tổn thương do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.

c) Thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch thông qua việc xây dựng và ban hành các hướng dẫn về lồng ghép; đánh giá lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu trong hệ thống chiến lược, quy hoạch; lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu với giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

d) Giám sát và đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu, bao gồm việc ban hành các bộ tiêu chí: đánh giá rủi ro khí hậu; xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá hiệu quả của các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Trên cơ sở đó thiết lập và vận hành hệ thống giám sát và đánh giá đối với các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích về đảm bảo phòng chống thiên tai, giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường; định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu theo các báo cáo của Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC); xây dựng các kịch bản về tác động, tổn thất và thiệt hại đối với Việt Nam; thiết lập và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu và công cụ hỗ trợ công tác quản lý và hoạch định chính sách về biến đổi khí hậu; xây dựng các cơ chế, chính sách, huy động và phân bổ nguồn lực về tài chính nhằm khuyến khích và thu hút đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, bao gồm: hỗ trợ các cơ quan trong nước xây dựng năng lực để trở thành tổ chức được công nhận đối với Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng và các quỹ khác; xây dựng và định kỳ cập nhật Báo cáo quốc gia về thích ứng với biến đổi khí hậu cho Công ước khung của Liên hợp quốc về

biến đổi khí hậu. Giám sát và đánh giá tác động của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên thế giới đối với Việt Nam, xác định các giải pháp giảm thiểu tác động và tận dụng cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái thông qua việc đầu tư cho các hành động thích ứng, khoa học và công nghệ, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu

Nhóm nhiệm vụ này được thực hiện thông qua việc cải thiện hệ thống tự nhiên, cải tạo cơ sở hạ tầng của các ngành, các lĩnh vực;đầu tư, triển khai và nhân rộng các hoạt động, mô hình thích ứng. Các dự án đầu tư và cải tạo hệ thống tự nhiên và cơ sở hạ tầng phải đảm bảo tính thống nhất, liên vùng, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm và lộ trình hợp lý. Tiếp tục tuyên truyền và đẩy mạnh các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng trong thích ứng với biến đổi khí hậu. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể bao gồm:

a) Cải cải tạo cơ sở hạ tầng nhằm tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của các ngành, các lĩnh vực:

- Quản lý hiệu quả tài nguyên nước; giám sát và bảo vệ tài nguyên nước; nâng cao khả năng trữ nước và hiệu quả sử dụng nước trong điều kiện biến đổi khí hậu, ưu tiên cho các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, chịu tác động bất lợi của xâm nhập mặn;

- Triển khai, nhân rộng các mô hình xen canh nông nghiệp phù hợp với điều kiện hạn, mặn; mô hình trồng trọt và chăn nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh và thị trường theo vùng miền; phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phát triển, nhân rộng các giống cây trồng và vật nuôi; tăng cường các hình thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao; cải tiến phương pháp, kỹ thuật và cải thiện cơ sở hạ tầng ngành thủy sản;

- Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu;

- Nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị và các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo; chống

ngập cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển và xây dựng nhà an toàn đối với thiên tai, cực đoan khí hậu và nước biển dâng; ứng dụng công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị;

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của ngành công nghiệp, năng lượng và thương mại, các cơ sở sản xuất công nghiệp gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng, khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên tại khu vực dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu;

- Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường; thực hiện các giải pháp về công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu; tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe; xây dựng và nhân rộng các mô hình nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng;

- Duy tu, bảo tồn và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình di tích lịch sử văn hóa nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

b) Nâng cao khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu thông qua tăng cường công tác quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

c) Phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong giám sát, bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học.

d) Quản lý bảo vệ rừng và nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác phát triển rừng trồng nhằm cải thiện sinh kế và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp.

đ) Nâng cao nhận thức, kiến thức về biến đổi khí hậu và thiên tai của các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và cộng đồng; tăng cường năng lực, phát triển nguồn nhân lực nữ, thúc đẩy bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tập trung vào công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu

Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp liên quan đến tăng cường năng lực nhằm dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các điều kiện khí hậu, thời tiết cực đoan; cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai nhằm giảm thiểu khả năng dễ bị tổn thương và tăng mức độ sẵn sàng ứng phó với các hiện tượng khí hậu cực đoan; triển khai các giải pháp thích ứng kịp thời và hiệu quả nhằm giảm thiểu thiệt hại do các tác động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn liên quan đến biến đổi khí hậu trong tương lai. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể bao gồm:

a) Sẵn sàng ứng phó với các hiểm họa do biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo, truyền tin về thiên tai và khí hậu cực đoan.

b) Đảm bảo an toàn cho hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng tránh thiên tai nhằm chủ động ứng phó với thiên tai có xu hướng gia tăng cả về tần suất và cường độ.

c) Cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai, triển khai công tác xác định, phân vùng và dự báo cấp độ rủi ro thiên tai; tăng cường năng lực, biện pháp quản lý và thúc đẩy giảm nhẹ rủi ro thiên tai, chú trọng giải pháp quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng, phát huy tri thức địa phương trong phòng tránh thiên tai nhằm giảm thiểu khả năng dễ bị tổn thương và tăng mức độ sẵn sàng ứng phó với các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan.

d) Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai dưới tác động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn liên quan đến biến đổi khí hậu thông qua việc triển khai các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, chú trọng các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất.

đ) Chống sạt lở bờ sông, bờ biển; đối phó với hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng; giải quyết vấn đề tổn thất và thiệt hại do tác động của biến đổi khí hậu.

IV. PHÂN KỲ THỰC HIỆN

Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phân kỳ thực hiện theo các giai đoạn như sau:

1. Giai đoạn 2021 - 2025

Giai đoạn 2021 - 2025 tập trung hoàn thiện cơ chế chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu; chuẩn bị cơ sở pháp lý và điều kiện kỹ thuật nhằm thúc đẩy lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu vào các chính sách, hệ thống chiến lược, quy hoạch; triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và những diễn biến bất thường của khí hậu, thời tiết. Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong giai đoạn 2021 - 2025 bao gồm:

a) Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý quốc gia về biến đổi khí hậu, chuẩn bị cơ sở cho việc xây dựng Luật Biến đổi khí hậu; rà soát, cập nhật và xây dựng mới các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu; thúc đẩy lồng ghép thích ứng biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch; giám sát và đánh giá hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Hỗ trợ các cơ quan trong nước xây dựng năng lực để trở thành tổ chức được công nhận đối với Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng và các quỹ khác; xây dựng và định kỳ cập nhật Báo cáo quốc gia về thích ứng với biến đổi khí hậu cho Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu.

c) Triển khai, nhân rộng các mô hình canh tác nông nghiệp xen canh thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp; phát triển và nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi, các mô hình trồng trọt và chăn nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học; đẩy mạnh các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng.

đ) Giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo và chuyển tải thông tin về thiên tai; tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình phòng tránh thiên tai; triển khai kịp thời và hiệu quả các giải pháp phòng chống thiên tai liên quan đến bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất; chống ngập cho các thành phố và các điểm dân cư tập trung; phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn; nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

e) Tăng cường nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu bao gồm các chương trình, các khóa đào tạo tập huấn; nghiên cứu khoa học về thích ứng với biến đổi khí hậu; triển khai các đề án phát triển nguồn nhân lực; thu hút đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hợp tác quốc tế.

2. Giai đoạn 2026 - 2030

Trong giai đoạn 2026 - 2030 tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, phối hợp, lồng ghép các hoạt động trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao năng lực của các ngành, lĩnh vực, các thành phần kinh tế, cộng đồng và hệ sinh thái để tăng cường khả năng chống chịu, sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu. Tiếp tục nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng, khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu. Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích trong giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu và hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội, môi trường. Giám sát và đánh giá tác động của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên thế giới đối với Việt Nam, xác định các giải pháp giảm thiểu tác động và tận dụng cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Giai đoạn sau năm 2030 cho đến năm 2050 sẽ phát huy kết quả đạt được của giai đoạn 2021 - 2030, tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của con người, cơ sở hạ tầng và các hệ thống tự nhiên, nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững quốc gia trong bối cảnh biến đổi khí hậu và an toàn trước thiên tai. Thực hiện lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu trong tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tận dụng các cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp tích cực với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Giám sát tiến độ triển khai và thực hiện Kế hoạch

Tiến độ của Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu được giám sát dựa trên các kết quả theo từng giai đoạn của các nhiệm vụ trong Danh mục các nhiệm vụ kèm theo.

- Ở cấp quốc gia: Các nhiệm vụ trong Kế hoạch sẽ được xem xét, đánh giá ở cấp độ quốc gia hai năm một lần. Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu có trách nhiệm giám sát tiến độ triển khai Kế hoạch tổng thể.

- Ở cấp bộ, ngành: các bộ, ngành chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ cấp ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; tổng hợp tình hình thực hiện gửi báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

- Ở cấp địa phương: Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ cấp địa phương và cấp cộng đồng trên địa bàn tỉnh; tổng hợp tình hình thực hiện để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có báo cáo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Tiến độ thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu sẽ được Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu tại cuộc họp hằng năm, qua đó sẽ đưa ra các quyết định điều chỉnh cần thiết.

2. Rà soát và cập nhật Kế hoạch

Sau 02 năm đầu tiên của quá trình triển khai thực hiện, Kế hoạch sẽ được rà soát cập nhật. Sau 03 năm tiếp theo, việc rà soát, cập nhật Kế hoạch lần thứ hai sẽ được thực hiện căn cứ vào kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025.

3. Đánh giá thực hiện Kế hoạch

05 năm cuối cùng của Kế hoạch sẽ là giai đoạn hoàn thành mục tiêu. Cuối cùng Kế hoạch sẽ được đánh giá để xác định những kết quả đạt được và rút ra bài học cho Kế hoạch của giai đoạn tiếp theo.

Việc sửa đổi, đánh giá Kế hoạch phải được thực hiện thông qua sự tham vấn ý kiến rộng rãi của các bộ, ngành và địa phương.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển) theo phân cấp hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác.

3. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo và tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những giải pháp để giải quyết những bất cập, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện ở trung ương và địa phương, bảo đảm việc triển khai Kế hoạch đúng tiến độ, mang lại hiệu quả thiết thực;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; các cơ chế, chính sách tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro khí hậu và thiên tai;

- Triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo các giai đoạn trên cơ sở danh mục dự án của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề xuất để trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

- Phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan liên quan rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu, tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch; xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

3. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, cơ quan trung ương cân đối bố trí kinh phí chi thường xuyên hàng năm từ ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch;

- Triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ của Kế hoạch được giao cho địa phương thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chủ động triển khai các nội dung công việc được phân công trong bảng danh mục nhiệm vụ kèm theo; tập trung huy động và bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu;

- Rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương để lồng ghép với các hoạt động của Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch;

- Vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện Kế hoạch;

- Giám sát, tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công;

- Đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những biện pháp nhằm tối ưu hóa việc thực hiện Kế hoạch và những điều chỉnh cần thiết đối với Kế hoạch trong giai đoạn sau;

- Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ đang triển khai, kết quả các nhiệm vụ đã hoàn thành, các nhiệm vụ chưa hoàn thành so với tiến độ thời gian yêu cầu và nguyên nhân, gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao các nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện. Xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí từng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí theo quy định. Các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương cần được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm để triển khai thực hiện./.

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUỐC GIA THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Tăng cường công tác quản lý nhà nước và nguồn lực

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm2030
I	**Hoàn thiện cơ chế chính sách**					
1	Hoàn thiện hệ thống pháp lý nhằm thúc đẩy hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Hoàn thành văn bản hướng dẫn liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu	Hướng dẫn đánh giá tác động, tình trạng dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu	Bộ TNMT	2023: Văn bản hướng dẫn được ban hành	
			Hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch	Bộ TNMT	2023: Văn bản hướng dẫn được ban hành	
		Cơ sở cho việc xây dựng Luật về biến đổi khí hậu	Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn thi hành, kinh nghiệm quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu và đề xuất xây dựng Luật biến đổi khí hậu	Bộ TNMT, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương	2025: Trình hồ sơ đề nghị xây dựng Luật biến đổi khí hậu	Xây dựng Luật biến đổi khí hậu sau khi đề nghị xây dựng Luật được cấp có thẩm quyền thông qua

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm2030
II	**Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu**					
1	Tăng cường giám sát và đánh giá hiệu quả các hoạt động thích ứng	Bộ tiêu chí xác định các dự án, nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả của các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu; đánh giá rủi ro khí hậu	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu	Bộ TNMT, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương	2022: Trình Bộ tiêu chí	
			Xây dựng tiêu chí xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu và đánh giá hiệu quả của các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ TNMT, các bộ ngành, địa phương	2021: Bộ tiêu chí được ban hành	
		Hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Thiết lập Hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ TNMT, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương	2021: Trình phê duyệt Hệ thống giám sát và đánh giá; 2022 - 2025: Triển khai hệ thống giám sát, đánh giá	2026 - 2030: Tiếp tục vận hành; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm2030
III	**Huy động nguồn lực**					
1	Huy động nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng được cơ chế chính sách nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực, khuyến khích sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ KHĐT	2021 - 2025: Cơ chế, chính sách được ban hành; triển khai thực hiện	2030: Tiếp tục triển khai thực hiện
			Rà soát, bổ sung nhằm hoàn thiện các cơ chế chính sách tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro khí hậu và thiên tai	Bộ Tài chính	2025: Các cơ chế, chính sách được ban hành	
IV	**Tuyên truyền, nâng cao nhận thức**					
1	Nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu	Nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực, kiến thức của các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và	Nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai	Bộ TNMT, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá	Mở rộng Chương trình cho giai đoạn 2026 - 2030

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm2030
		cộng đồng địa phương về biến đổi khí hậu và thiên tai				
V	**Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**					
1	Phát triển khoa học công nghệ	Tăng cường nghiên cứu khoa học và công nghệ về thích ứng với biến đổi khí hậu	Tổ chức thực hiện các nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong thích ứng biến đổi khí hậu	Bộ KHCN, Bộ TNMT	2025: Hoàn thành các nghiên cứu giai đoạn 2021 - 2025	2030: Hoàn thành các nghiên cứu giai đoạn 2026 - 2030
VI	**Hợp tác quốc tế**					
1	Thực hiện đóng góp cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu	Xây dựng Báo cáo quốc gia về thích ứng biến đổi khí hậu nộp cho Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu	Xây dựng Báo cáo quốc gia về thích ứng biến đổi khí hậu	Bộ TNMT, các Bộ, ngành liên quan	2024: Báo cáo đầu tiên được phê duyệt	Định kỳ cập nhật 2 năm/lần

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm2030
2	Tăng cường hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu	Tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế về thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng, triển khai các chương trình, dự án hợp tác với các đối tác quốc tế về thích ứng biến đổi khí hậu tại Việt Nam	Bộ TNMT, các Bộ, ngành liên quan	Các chương trình, dự án được xây dựng và triển khai	Tiếp tục xây dựng và triển khai các chương trình, dự án

B. Lĩnh vực nông nghiệp

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp thông qua hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật; đào tạo,	Hoàn thiện cơ chế chính sách ngành nông nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng hướng dẫn về đánh giá tổn thương, phân tích hiệu quả chi phí lợi ích, sàng lọc, lựa chọn các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu cho các lĩnh vực nông nghiệp	Bộ NNPTNT	2022: Các hướng dẫn được ban hành	
			Đổi mới cơ chế chính sách hỗ trợ (về đất đai, tài chính, kỹ thuật) cho các doanh nghiệp tham gia phát triển các mô hình thích ứng quy mô lớn lĩnh vực nông nghiệp	Bộ NNPTNT, Bộ KHĐT	2022: Cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được ban hành	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
	tập huấn, nâng cao năng lực		Xây dựng cơ chế tài chính và hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	2022: Cơ chế, chính sách được ban hành	
			Xây dựng bộ chỉ số và hướng dẫn lồng ghép các nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu vào các chương trình, dự án, kế hoạch hoạt động cụ thể của ngành nông nghiệp	Bộ NNPTNT	2023: Bộ chỉ số và hướng dẫn lồng ghép được ban hành	
			Rà soát và bổ sung chính sách hỗ trợ về tài chính, đất đai để khuyến khích các nguồn đầu tư theo cơ chế đối tác công tư (PPP) cho các hoạt động phát triển nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	2022: Cơ chế, chính sách được ban hành	
		Nâng cao năng lực nhằm tăng khả năng chống chịu và giảm mức độ tổn thương với biến đổi khí hậu	Tập huấn, nâng cao năng lực cho nông dân và cán bộ địa phương về phát triển, lựa chọn và ứng dụng các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp	Bộ NNPTNT	2022: Kế hoạch, nội dung tập huấn được phê duyệt; 2025: Hoàn thành tập huấn cho các vùng, miền	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			Phát triển liên kết vùng trong thực hiện các hoạt động thích ứng đối với các tiểu ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp	Bộ NNPTNT	2022: Cơ chế liên kết vùng đối với các tiểu ngành được ban hành; 2023 - 2025: Triển khai thực hiện, tổng kết, đánh giá	
			Tăng cường hoạt động của hệ thống giám sát, cảnh báo thiên tai, rủi ro do biến đổi khí hậu đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện, tổng kết, đánh giá	
			Khai thác tổng hợp tiềm năng và phát huy lợi thế các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các công trình trọng điểm	Nhân rộng, hoàn thành và tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
2	Điều chỉnh kế hoạch canh tác, bố trí hợp lý cơ cấu mùa vụ và nhân rộng các mô hình nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu	Triển khai, nhân rộng các mô hình xen canh thích ứng biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện hạn, mặn	Nhân rộng các mô hình canh tác lúa cải tiến (SRI); canh tác ngô xen đậu (IMB), sắn với lạc, đậu (ICB); canh tác tổng hợp cà phê (ICoM); mô hình thâm canh cây ăn quả theo VietGAP (VGP) thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao, cơ giới hóa, tự động hóa và các quy trình canh tác tiên tiến, thâm canh bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng sinh thái	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Ứng dụng, triển khai các mô hình canh tác tổng hợp (lúa tôm, lúa cá, lúa vịt, lúa và kết hợp tái sử dụng phụ phẩm làm phân bón, sản xuất năng lượng) thích ứng với biến đổi khí hậu trên hệ sinh thái đất trồng lúa	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Hỗ trợ ứng dụng giải pháp nông lâm kết hợp cho việc phát triển cây ăn quả, nhằm nâng cao sinh kế và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của người dân vùng Tây Bắc Việt Nam	Bộ NNPTNT	2025: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			Nhân rộng mô hình canh tác các giống cây trồng, phương pháp xen canh, thâm canh thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp	Đánh giá hiệu quả đất trồng lúa và chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các cây ăn quả, rau màu, mô hình canh tác hỗn hợp (lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, lúa - rau màu, cây ăn quả, cây thức ăn chăn nuôi) có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với từng vùng sinh thái	Bộ NNPTNT	Báo cáo đánh giá được công bố	
		Bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh, thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu theo vùng miền	Xác định cơ cấu mùa vụ thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	Cơ cấu mùa vụ cho các vùng nông nghiệp được xác định	
			Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh, thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu theo vùng miền (nông lâm kết hợp, nông nghiệp thủy sản, ưu tiên cho sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, sản xuất theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng)	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
3	Tăng cường khả năng chống chịu của cây trồng đối với các loại dịch bệnh	Phát triển và nhân rộng các giống cây trồng có khả năng chống chịu sâu bệnh	Xây dựng các mô hình sản xuất tiên tiến (áp dụng đồng bộ hệ thống tưới, quản lý dinh dưỡng tổng hợp, sử dụng cây giống sạch bệnh, giống có lợi thế xuất khẩu, quản lý thâm canh và sử dụng biện pháp phòng trừ dịch bệnh thân thiện với môi trường)	Bộ NNPTNT	Các mô hình được thí điểm trên diện rộng và đánh giá	
			Phân tích, chọn tạo giống lúa chất lượng, chịu mặn cao, kháng rầy nâu thích hợp cho vùng đất nhiễm mặn đồng bằng ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu; cải tạo cây đậu tương tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu bằng kỹ thuật chỉnh sửa gen CRISPR/Cas9; sản xuất mía nguyên liệu tại vùng khô hạn Nam Trung bộ và Tây Nguyên	Bộ NNPTNT	Các giống mới được chọn tạo, thí điểm và đánh giá	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Đánh giá, tuyển chọn giống tằm có khả năng chống chịu nóng ẩm góp phần phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả nghề trồng dâu nuôi tằm	Bộ NNPTNT	Giống tằm mới được tuyển chọn, thí điểm, đánh giá	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
4	Nâng cao khả năng phòng chống dịch bệnh cho các giống vật nuôi trước thay đổi của khí hậu	Triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, sử dụng các giống vật nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	Tăng cường các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cải tiến các dịch vụ thú y để phát triển chăn nuôi bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác lợi thế vùng sinh thái	Bộ NNPTNT	Các hoạt động kiểm soát và dịch vụ thú y được áp dụng trong toàn bộ quá trình chăn nuôi	
			Nhân rộng mô hình sử dụng các giống gia cầm, thủy cầm địa phương có khả năng chống chịu cao (LCT) thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Chuyển dịch chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, được đầu tư đồng bộ về hệ thống chuồng nuôi và môi trường, áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến để nâng cao khả năng thích ứng và giá trị gia tăng	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
		Triển khai, nhân rộng các mô hình chăn nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu	Nhân rộng mô hình chăn nuôi cải tiến chuồng trại và ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Phát triển các mô hình liên kết trong chăn nuôi từ khâu cải tiến giống vật nuôi, công nghệ chăn nuôi, thị trường tiêu thụ (trong nước, hướng đến xuất khẩu) và xử lý chất thải phù hợp với điều kiện sinh thái	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Triển khai ứng dụng các mô hình tổng hợp theo chuỗi giá trị (chăn nuôi công nghệ cao, an toàn sinh học, chăn nuôi kết hợp sản xuất năng lượng (IFES), chăn nuôi dựa trên sinh thái (AEbA), chăn nuôi theo VietGAP, chăn nuôi thông minh với khí hậu (CSA)	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Nhân rộng mô hình sử dụng thức ăn xanh cho chăn nuôi bò và gia súc nhai lại khác (GFC) thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	Mô hình được áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi và tổng kết, đánh giá	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
5	Đảm bảo hiệu quả đánh bắt và nuôi trồng thủy sản thông qua việc cải tiến phương pháp, kỹ thuật và cải thiện cơ sở hạ tầng ngành thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu	Tăng cường các hình thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	Nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản hỗn hợp đa loài, đa tầng (IAQ), an toàn sinh học (BSS) thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	Mô hình được áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi và tổng kết, đánh giá	
			Nhân rộng mô hình nuôi tôm dưới tán rừng trong đê (MSH) thích ứng với biến đổi khí hậu; mô hình tôm lúa hỗn hợp (MRS) thích ứng với biến đổi khí hậu ở những vùng có hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh	Bộ NNPTNT	Mô hình được áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi và tổng kết, đánh giá	
			Chuyển đổi cơ cấu tầu thuyền với công suất hợp lý, đổi mới công nghệ khai thác thủy sản đạt hiệu quả cao thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các tỉnh trọng điểm	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Chuyển dịch cơ cấu giữa khai thác với nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phát triển dịch vụ phục vụ cho nuôi trồng thủy sản	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			Phát triển các mô hình liên kết theo chuỗi trong nuôi trồng thủy sản từ khâu cải tiến giống, thức ăn, công nghệ ao nuôi, kiểm soát dịch bệnh, phát triển thị trường và xử lý môi trường ao nuôi	Bộ NNPTNT	2021 - 2025: Chuẩn bị cơ sở kỹ thuật và quản lý cho việc xây dựng Đề án	2026: Phê duyệt Đề án 2027 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá	Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá, khu neo đậu trú tránh bão cho tàu thuyền tại vùng ven biển miền Trung Trung Bộ và Đông Nam Bộ	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Phát triển các loài nuôi mới có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu, các công nghệ nuôi phù hợp với từng vùng sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	Triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Triển khai, đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh cho thủy sản	Tăng cường các dịch vụ thú y thủy sản, kiểm soát chặt chẽ, dự báo, cảnh báo kịp thời dịch bệnh, môi trường và thời tiết cực đoan nhằm giảm thiểu rủi ro đối với nuôi trồng thủy sản	Bộ NNPTNT	Các hoạt động kiểm soát và dịch vụ thú y được áp dụng trong toàn bộ quá trình nuôi trồng thủy sản	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
6	Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và nâng cao chất lượng rừng thích ứng với điều kiện khí hậu thay đổi	Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng	Xây dựng quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ NNPTNT	2022: Trình phê duyệt Quy hoạch	
			Triển khai các giải pháp phòng chống cháy rừng, quản lý sâu, bệnh hại rừng, hạn chế sa mạc hóa và bảo tồn đa dạng sinh học rừng	Bộ NNPTNT	Các giải pháp được thí điểm, đánh giá và triển khai	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Phát triển, nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng, thay đổi cơ cấu cây trồng	Xây dựng và triển khai các dự án nhằm tăng cường quản lý bảo vệ rừng và nâng cao chất lượng rừng	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Triển khai các dự án trồng và phục hồi rừng ven biển	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Nghiên cứu chọn tạo và phát triển các loại cây rừng mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu tại các vùng sinh thái nhằm giảm nguy cơ mất rừng và suy thoái rừng	Bộ NNPTNT	Giống cây mới được chọn tạo, thí điểm và đánh giá	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
7	Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác phát triển rừng thông qua tăng cường sinh kế và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp	Hỗ trợ, khuyến khích cộng đồng tham gia phát triển lâm nghiệp bền vững	Nhân rộng mô hình phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn tại các đầm nuôi trồng thủy sản đã bị suy thoái theo hướng lâm - ngư kết hợp dựa vào cộng đồng	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Hỗ trợ phát triển mô hình sinh kế cộng đồng dựa vào rừng theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	Mô hình được thí điểm, triển khai và đánh giá	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Thực thi cơ chế khuyến khích tham gia REDD+ trong quản lý rừng và đất lâm nghiệp	Bộ NNPTNT	Cơ chế khuyến khích được thực thi và đánh giá	

C. Phòng chống thiên tai

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Nâng cao mức độ sẵn sàng ứng phó với các hiểm họa do biến đổi khí hậu	Tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc KTTV, dự báo, cảnh báo,	Xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên toàn lãnh thổ Việt Nam	Bộ TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai và hoàn thành Đề án	Duy trì hoạt động của hệ thống

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
		truyền tin thiên tai để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	Hiện đại hóa hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn và giám sát xâm nhập mặn	Bộ TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai Đề án	Duy trì hoạt động của hệ thống
			Hiện đại hóa công nghệ dự báo khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan	Bộ TNMT	2021: Dự án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai Dự án	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
			Triển khai khung dịch vụ khí hậu toàn cầu ở Việt Nam phục vụ các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai	Bộ TNMT	2021: Dự án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai Dự án	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
			Tăng cường năng lực truyền tin thiên tai, đảm bảo truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời phục vụ phòng tránh thiên tai hiệu quả	Bộ TTTT, Bộ NNPTNT, Bộ TNMT, Đài Tiếng nói VN, Đài THVN	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai Đề án	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
		Tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng tránh thiên tai	Xây dựng quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ NNPTNT	2022: Trình phê duyệt Quy hoạch	
			Đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai cho các hồ chứa để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Hoàn thành Đề án	
			Rà soát và đánh giá mức độ an toàn hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng tránh thiên tai	Bộ NNPTNT	2022: Công bố báo cáo, đánh giá mức độ an toàn hệ thống công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai	
			Xây dựng bản đồ ngập lụt và lập phương án phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du của các hồ chứa trọng điểm trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Công bố các bản đồ, phương án phòng chống lũ, lụt do xả lũ và vỡ đập của một số hồ chứa trọng điểm	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ chứa, hệ thống đê điều, công trình phòng chống thiên tai có nguy cơ tổn thương cao do tác động của biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Đầu tư thí điểm một số công trình trọng điểm	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
			Củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Đầu tư thí điểm một số công trình trọng điểm	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
2	Cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai	Xác định, phân vùng và dự báo cấp độ rủi ro thiên tai	Rà soát, cập nhật phân cấp cấp độ rủi ro thiên tai	Bộ TNMT	2022: Phê duyệt việc rà soát, cập nhật cấp độ rủi ro thiên tai	Rà soát, cập nhật phân cấp cấp độ rủi ro thiên tai
			Phân vùng rủi ro và cảnh báo rủi ro thiên tai phục vụ quy hoạch, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ TNMT	2022: Kết quả phân vùng rủi ro và cảnh báo rủi ro thiên tai được công bố	Phân vùng rủi ro và cảnh báo rủi ro thiên tai phục vụ quy hoạch, chỉ đạo điều hành

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
						phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu
		Tăng cường năng lực, biện pháp quản lý và thúc đẩy giảm nhẹ rủi ro thiên tai	Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai; xác định các biện pháp ứng phó thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai ở các cấp	Bộ NNPTNT	2021: Kế hoạch Phòng, chống thiên tai được phê duyệt; 2025: Tổng kết, đánh giá	
			Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, sử dụng tri thức người dân địa phương trong phòng tránh thiên tai	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Đầu tư thí điểm một số công trình trọng điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
			Tổng kết, đánh giá, triển khai, nhân rộng mô hình phòng tránh thiên tai dựa vào cộng đồng	Bộ NNPTNT	2021: Tổng kết, đánh giá các mô hình; 2022 - 2025: Triển khai nhân rộng	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			Tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Đầu tư thí điểm một số công trình trọng điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá.
3	Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai	Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan	Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất cho các vùng chịu nhiều ảnh hưởng, đặc biệt là vùng miền núi phía Bắc	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Đầu tư thí điểm một số công trình trọng điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá.
			Tăng cường năng lực phòng chống bão, lũ lớn và lũ cực đoan các lưu vực sông trên toàn quốc	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Đầu tư thí điểm một số công trình trọng điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
			Xây dựng kế hoạch phòng chống tác hại của hạn hán, triều cường và xâm nhập mặn	Bộ NNPTNT	2021: Kế hoạch được ban hành; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
		Đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu	Đánh giá tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu	Bộ TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
			Triển khai các giải pháp chia sẻ rủi ro khí hậu, giảm tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu	Bộ TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện.	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
		Tăng cường các giải pháp chống sụt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển	Điều tra khảo sát, xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp chống sụt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Bộ TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Tổng kết đánh giá	
			Củng cố, xây dựng các công trình chống sạt lở bờ sông, bờ biển ở các khu vực trọng điểm, cấp bách	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai xây dựng các công trình cấp bách	Đầu tư theo lộ trình; Hoàn thành và tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
		Tăng cường các giải pháp công trình để đối phó với hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng	Rà soát, xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vùng cửa sông và các vùng dễ bị tổn thương nhằm ứng phó với hạn hán, nước biển dâng và xâm nhập mặn	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai xây dựng các công trình cấp bách	Đầu tư theo lộ trình; Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
			Xây mới một số hồ chứa lớn tại các vùng có nguy cơ hạn hán cao nhằm trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Triển khai xây dựng các công trình cấp bách	Đầu tư theo lộ trình; Hoàn thành và tổng kết, đánh giá

D. Môi trường và đa dạng sinh học

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Nâng cao khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học	Tăng cường công tác quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học	Xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro do biến đổi khí hậu đối với các hệ sinh thái tự nhiên	Bộ TNMT	2021: Dự án được phê duyệt; 2023: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
		Tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Xây dựng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực đa dạng sinh học cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu	Bộ TNMT	2022: Dự án được phê duyệt; 2023 - 2025: Triển khai các mô hình	Mở rộng quy mô
			Đánh giá nguy cơ và kiểm soát sự xâm hại của các loài ngoại lai dưới tác động của biến đổi khí hậu	Bộ TNMT	2023: Dự án được phê duyệt; 2023 - 2025: Triển khai thực hiện	Tiếp tục thực hiện; tổng kết, đánh giá
			Thành lập các khu cứu hộ, bảo tồn ngoại vi, nuôi và nhân giống các loài bị đe dọa	Bộ TNMT	2023: Dự án được phê duyệt; 2024 - 2025: Triển khai thực hiện	Tiếp tục thực hiện; tổng kết, đánh giá
			Khôi phục các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái	Bộ TNMT	2021: Dự án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện	Tiếp tục thực hiện; tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
		Phát triển các mô hình thích ứng dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng	Bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái dựa vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó ưu tiên bảo tồn nguồn gen quý, các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng và các hệ sinh thái quan trọng	Bộ TNMT	2023: Dự án được phê duyệt; 2023 - 2025: Triển khai thực hiện	Tiếp tục thực hiện; tổng kết, đánh giá
			Ứng dụng kiến thức của người dân địa phương trong bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, bảo đảm sinh kế bền vững, ưu tiên cộng đồng dễ bị tổn thương	Bộ TNMT	2024: Dự án được phê duyệt	2025 - 2030: Triển khai thực hiện; tổng kết, đánh giá

Đ. Tài nguyên nước

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu	Xây dựng Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn 2050	Bộ TNMT	2022: Trình phê duyệt Chiến lược	
			Xây dựng quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ TNMT	2021: Trình phê duyệt Quy hoạch	
			Xây dựng các quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh	Bộ TNMT	2023: Hoàn thành việc trình phê duyệt các quy hoạch	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			Rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông	Bộ TNMT, Bộ NPTNT, Bộ CT	2025: 100% Quy trình vận hành liên hồ/ đơn hồ được ban hành	
		Tăng cường công tác giám sát và bảo vệ tài nguyên nước	Hoàn thiện hệ thống quan trắc và giám sát tài nguyên nước quốc gia	Bộ TNMT	2022: Đề án được phê duyệt; 2025: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá	
			Xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất cho các khu vực, đặc biệt đối với đồng bằng sông Cửu Long	UBND các tỉnh, thành phố	2025: Hoàn thành nhiệm vụ	
			Khôi phục, phát triển rừng phòng hộ và rừng ngập mặn nhằm bảo vệ nguồn nước, chống xói lở bờ sông, bờ biển	Bộ NNPTNT UBND các tỉnh, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện	Tiếp tục thực hiện; tổng kết, đánh giá
		Tăng cường khả năng trữ nước và nâng cao hiệu quả sử dụng nước	Điều tra, đánh giá và xây dựng các giải pháp tổng thể về trữ nước dựa vào xu thế tự nhiên của từng khu vực	Bộ TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			Phân loại mức độ khan hiếm nước, đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, tiết kiệm nước, hạn chế khai thác, sử dụng nước theo từng cấp độ khan hiếm nước	Bộ TNMT, UBND các tỉnh, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá	
			Điều tra đánh giá, xác định giải pháp bổ sung nhân tạo nước dưới đất cho các khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng bền vững tài nguyên nước dưới đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Bộ TNMT, Bộ NNPTNT	2022: Đề án được phê duyệt; 2025: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá	
			Xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả	Bộ NNPTNT, Bộ XD, UBND các tỉnh, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm	Đúc kết, nhân rộng, tổng kết, đánh giá
			Xây dựng bổ sung các công trình trữ nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trong điều kiện hạn hán gia tăng do biến đổi khí hậu	Bộ NNPTNT UBND các tỉnh, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm	Đúc kết, nhân rộng, tổng kết, đánh giá

E. Cơ sở hạ tầng

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
I	**Giao thông vận tải**					
1	Hoàn thiện các chính sách, hệ thống chiến lược, quy hoạch ngành giao thông vận tải	Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách ngành giao thông vận tải nhằm thúc đẩy lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu	Cập nhật, xây dựng các chiến lược, quy hoạch dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu có chú trọng đến các ngành và vùng dễ bị tổn thương do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu	Bộ GTVT	2022: Các chiến lược, quy hoạch được phê duyệt	
			Rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ GTVT	2023: Các tiêu chuẩn, quy chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật được cập nhật, hoàn thiện, ban hành	
2	Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu thông qua	Triển khai các chương trình, dự án nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông ở những	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy ở những vùng thường bị đe dọa bởi lũ, lụt, nước biển dâng, đặc biệt khu vực đồng bằng sông Cửu Long	Bộ GTVT, UBND các tỉnh, Thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
	các biện pháp cải tạo cơ sở hạ tầng ngành giao thông vận tải	vùng thường bị đe dọa bởi thiên tai và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ có khả năng chống chịu với sạt lở đất khu vực miền núi phía bắc và Tây Nguyên	Bộ GTVT, UBND các tỉnh, Thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
II	**Xây dựng, đô thị**					
1	Hoàn thiện các chính sách, quy hoạch ngành xây dựng và đô thị	Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành xây dựng và đô thị ứng phó với thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Rà soát, hiệu chỉnh, xây dựng mới các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng công trình nhà ở và công trình công cộng cho các vùng thường xuyên bị thiên tai	Bộ XD	2023: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được xây dựng, hoàn thiện, ban hành	
			Rà soát, hiệu chỉnh, xây dựng mới các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn phù hợp kịch bản cập nhật của biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Bộ XD	2023: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được ban hành	
			Rà soát, cập nhật, điều chỉnh văn bản pháp luật của ngành xây dựng liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ XD	2022: Các văn bản pháp luật được cập nhật, điều chỉnh, ban hành	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			Điều chỉnh quy hoạch xây dựng các vùng liên tỉnh, các khu kinh tế, khu công nghệ cao nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ XD	2023: Quy hoạch điều chỉnh được phê duyệt	
			Lồng ghép các yếu tố thích ứng với biến đổi khí hậu trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch đô thị ven biển do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Bộ XD	2025: Các quy hoạch đô thị ven biển có lồng ghép biến đổi khí hậu được phê duyệt	
			Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật về các giải pháp kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ứng phó với úng ngập đô thị (san nền, thoát nước, hồ điều hòa, đê bao...)	Bộ XD, UBND các tỉnh, Thành phố	2022: Hướng dẫn kỹ thuật được ban hành	
2	Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu thông qua các biện pháp cải tạo cơ sở hạ tầng ngành xây dựng và đô thị	Triển khai các chương trình, dự án nhằm nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo	Quy hoạch đô thị và sử dụng đất, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo trên cơ sở kịch bản nước biển dâng	Bộ XD	2023: Quy hoạch được phê duyệt	
			Đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất	Bộ XD	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
		Triển khai các chương trình, dự án nâng cao năng lực chống ngập lụt đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Thực hiện các giải pháp chống ngập cho các đô thị lớn	UBND các tỉnh, Thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các đô thị trọng điểm	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Khẩn trương hoàn thành các công trình chống ngập đang thi công ở Thành phố Hồ Chí Minh, bổ sung các giải pháp dần hình thành hệ thống chống ngập đồng bộ, hiệu quả	UBND TP. Hồ Chí Minh	Hoàn thành các công trình chống ngập. Các giải pháp bổ sung được đề xuất	
			Triển khai các giải pháp chống ngập cho vùng lõi thành phố Cần Thơ	UBND TP Cần Thơ	Hoàn thành các giải pháp chống ngập, tổng kết đánh giá	
			Thực hiện các giải pháp cấp nước hiệu quả ở các khu đô thị, công nghiệp tại các vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của khô hạn, xâm nhập mặn, nước biển dâng	Bộ XD, UBND các tỉnh, Thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
		Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án phát triển và xây dựng nhà an toàn với thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Xây dựng nhà ở an toàn với bão, lũ cho khu vực đô thị Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ	UBND các tỉnh, Thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Thí điểm, đầu tư các giải pháp kỹ thuật nhằm thích ứng với ngập lụt do mưa lớn, triều cường và nước biển dâng cho các khu đô thị ven biển miền Trung	Bộ XD, UBND các tỉnh, Thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các đô thị trọng điểm	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Thí điểm, đầu tư các giải pháp kỹ thuật phòng chống lũ quét và sạt lở đất cho các cụm dân cư khu vực miền núi	Bộ XD, UBND các tỉnh, Thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Ứng dụng công nghệ mới, vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao cho công trình nhà ở đô thị	Triển khai các dự án nhằm ứng dụng các công nghệ mới, sử dụng các loại vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị	Bộ XD, UBND các tỉnh, Thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
III	**Công nghiệp, thương mại và năng lượng**					
1	Hoàn thiện các chính sách, quy hoạch ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng	Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Đánh giá các chính sách thương mại quốc tế, rào cản kỹ thuật liên quan đến biến đổi khí hậu và đề xuất giải pháp ứng phó	Bộ CT	2022: Báo cáo đánh giá và đề xuất được phê duyệt	
2	Củng cố hệ thống cơ sở hạ tầng ngành công nghiệp, năng lượng nhằm nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu	Nâng cấp cải tạo các cơ sở, công trình năng lượng tại khu vực ven biển	Xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cấp, cải tạo các nhà máy điện, trạm truyền tải điện, trạm biến áp, hệ thống đường ống dẫn nhiên liệu, hầm mỏ, bãi than và các cơ sở năng lượng khác ở vùng ven biển	Bộ CT, các địa phương	2021: Kế hoạch được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp	Cải thiện chuỗi cung ứng nguyên liệu, đa dạng hóa nguồn cung cấp, nguồn thay thế cho các nguyên vật liệu nhạy cảm với khí hậu	Bộ CT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thực hiện và tổng kết, đánh giá	

G. Sức khỏe cộng đồng, Lao động - xã hội, văn hóa, thể thao, du lịch

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
I	**Sức khỏe cộng đồng**					
1	Hoàn thiện các chính sách ngành y tế và sức khỏe cộng đồng	Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách của ngành y tế	Rà soát, sửa đổi, xây dựng, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách của ngành y tế về bảo vệ sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Bộ YT, các Bộ, ngành liên quan	2023: Các văn bản pháp luật và cơ chế chính sách được ban hành	
2	Nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, giảm tính dễ bị tổn thương trước những tác động của biến đổi khí hậu	Triển khai các Dự án đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng ngành y tế và sức khỏe cộng đồng	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do tác động của biến đổi khí hậu	Bộ YT, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Phát triển hạ tầng cơ sở đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường tốt, thực hiện các giải pháp về công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh liên quan đến biến đổi khí hậu	Bộ YT, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			Tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe	Bộ YT, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Triển khai, xây dựng và nhân rộng các mô hình nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, giám sát các dịch bệnh liên quan đến sự thay đổi của thời tiết và khí hậu	Bộ YT, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Xây dựng và nhân rộng các mô hình vệ sinh môi trường và nước sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và cơ sở y tế	Bộ YT, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Xây dựng, nhân rộng các mô hình về dinh dưỡng, thực phẩm, bệnh lây nhiễm, bệnh	Bộ YT, các Bộ, ngành liên	2021: Đề án được phê duyệt;	Mở rộng quy mô, tổng kết,

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			không lây nhiễm và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và các cơ sở y tế	quan và các địa phương	2022 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	đánh giá
II	**Lao động - xã hội**					
1	Hoàn thiện hệ thống chính sách và nâng cao năng lực cho các đối tượng dễ bị tổn thương nhằm hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến cơ hội việc làm của người	Thúc đẩy lồng ghép vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong các chính sách về việc làm	Hoàn thiện chính sách việc làm nhằm khuyến khích tạo việc làm xanh và bền vững	Bộ LĐTBXH, các địa phương	2022: Chính sách được ban hành	
			Xây dựng chính sách thúc đẩy lồng ghép, tạo việc làm xanh và hỗ trợ chuyển đổi việc làm, phát triển sinh kế bền vững cho người dân, đặc biệt là người lao động có đất phải chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc bị tác động của biến đổi khí hậu, các sự cố, thảm họa môi trường	Bộ LĐTBXH, các địa phương	2023: Chính sách được ban hành	
			Xây dựng các chính sách đặc thù hỗ trợ cho các đối tượng dễ bị tổn thương, lồng ghép giới trong triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ LĐTBXH, các địa phương	2023: Các chính sách được ban hành	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
	dân và tình trạng bình đẳng giới	Nâng cao năng lực cho phụ nữ, phát triển nguồn nhân lực nữ tham gia vào quá trình thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng Đề án truyền thông nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh gồm "Giới và biến đổi khí hậu", "Bình đẳng giới với biến đổi khí hậu"	Bộ LĐTBXH, các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các lĩnh vực	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Đào tạo kỹ năng mềm cho lao động nữ tham gia các ngành kinh tế mới theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu	Bộ LĐTBXH, các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các lĩnh vực	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
III	**Văn hóa - Thể thao - Du lịch**					
1	Nâng cao năng lực chống chịu của các công trình, địa danh du lịch, di sản văn hóa, di tích lịch sử	Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực văn hóa	Xây dựng đề án duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa trong điều kiện biến đổi khí hậu, chú trọng công tác duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa	Bộ VHTTDL, các địa phương	2023: Đề án được phê duyệt; 2024 - 2025: Triển khai	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Nâng cao khả năng khai thác các hoạt động du	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các khu du lịch, các điểm nghỉ dưỡng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ VHTTDL, các địa phương	2023: Quy hoạch được phê duyệt	

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
		lịch trong điều kiện biến đổi khí hậu	Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt chú trọng đối với các khu, điểm du lịch	Bộ VHTTDL, các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình, di tích văn hóa, lịch sử, thể thao nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và xây dựng các sản phẩm du lịch phù hợp thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ VHTTDL, các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Bảo tồn phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương trong thích ứng biến đổi khí hậu	Xây dựng và nhân rộng các mô hình ổn định đời sống văn hóa - tinh thần của cộng đồng địa phương trong quá trình tái định canh, định cư dưới tác động của biến đổi khí hậu nhằm bảo vệ các thiết chế văn hóa cơ sở, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, các tri thức địa phương trong thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ VHTTDL, các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			Tổng kiểm kê, sưu tầm, nghiên cứu tri thức địa phương về thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu; phổ biến tri thức địa phương trong cộng đồng, đặc biệt chú trọng vai trò của nghệ nhân và xây dựng mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ VHTTDL, các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương nhằm bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trước tác động của biến đổi khí hậu bằng các tri thức địa phương	Bộ VHTTDL, các địa phương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022 - 2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng